

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình cầu cứng từ thị trấn Mường Lát đi bản Pom Khuông, xã Tam Chung, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng Quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 4437/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng dự án công trình cầu cứng từ thị trấn Mường Lát đi bản Pom Khuông, xã Tam Chung, huyện Mường Lát;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 2351/TTr-SGTVT ngày 13/6/2016 (kèm theo hồ sơ và kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình tại Công văn số 2205/SGTVT-TĐKHKT ngày 03/6/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình: Cầu cứng từ thị trấn Mường Lát đi bản Pom Khuông, xã Tam Chung, huyện Mường Lát với những nội dung sau:

I. Vị trí, địa điểm xây dựng: Thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát.

II. Quy mô, giải pháp kỹ thuật công trình

1. Phần cầu: Xây dựng cầu mới BTCT và BTCT DƯL theo tiêu chuẩn thiết kế 22TCN 272-05. Khổ cầu $B = 7,0 + 2 \times 0,5 = 8,0$ m; tải trọng thiết kế HL93; tần suất thiết kế P 1%, có xét đến ảnh hưởng cao độ mực nước lòng hồ thủy điện Trung Sơn tại vị trí cầu là + 168m. Chiều dài toàn cầu 77,2m (tính đến hết đuôi móng).

- Kết cấu phần trên: Bố trí 3 nhịp giản đơn bằng BTCT DUL tiết diện dầm chữ "I", chiều dài nhịp dầm $L=21\text{m}$.

- Mặt cắt ngang gồm 4 phiến dầm chủ; liên kết các dầm chủ bằng các dầm ngang; mỗi nhịp bố trí 4 dầm ngang bằng BTCT 30MPa.

- Chiều cao dầm chủ 1,2m bằng BTCT DUL 35MPa, bố trí thép cường độ cao sử dụng loại 7 tạo 12,7mm theo tiêu chuẩn ASTM-A416-85-270K, mỗi dầm gồm 04 bó cáp; lấp lòng ống ghen bằng VXM 50MPa.

- Mặt cầu bằng BTCT 30MPa dày 18cm, chống thấm bằng vật liệu Radcon#7 hoặc tương đương.

- Lớp phủ mặt cầu bằng BT 30MPa dày 6cm, lưới thép 10x10cm

- Khe co giãn rộng 5cm dạng Ray, chèn khe bằng vữa không co ngót.

- Gối cầu cao su bản thép có kích thước 300x500x50mm, khả năng chịu lực của gối theo phương thẳng đứng là 100T.

- Gờ lan can bằng BTCT 25MPa, lan can, tay vịn bằng thép ống mạ kẽm. Bố trí ống nhựa chờ luồn cáp D90

- Thoát nước mặt cầu: Mỗi nhịp bố trí 4 ống thoát nước bằng gang đúc kết hợp ống PVC.

1.2. Kết cấu phần dưới:

a) Mố cầu: Mố kiểu tường dạng chữ U bằng BTCT 30MPa; bệ mố được chia làm 2 đốt, đốt dưới dày 2m bằng BTXM 30MPa đặt trên nền thiên nhiên (cao độ đặt móng được quyết định tại hiện trường sau khi có kết quả khoan thăm dò địa chất dưới đáy móng); chống trượt bằng thép D32 bố trí hình hoa mai, khoảng cách 100cm giữa đốt dưới với nền móng và giữa hai đốt với nhau. Bố trí các ụ chống trượt, tường tai bằng BTCT 30MPa trên mũ mố.

- Lòng mố đắp bằng vật liệu thoát nước đảm bảo đạt độ chặt $K \geq 98$ trước khi đắp quét nhựa đường chống thấm. Nối tiếp giữa đường và cầu và đường bằng bản quá độ BTCT 20MPa trên lớp đá dăm đệm dày 10cm.

- Gia cố bảo vệ tứ nón mố cầu bằng tường chắn BTXM 15MPa, ốp mái trên đỉnh tường chắn bằng đá hộc xây VXM M100 dày 30cm.

- Gia cố trước bệ mố bằng đá hộc xây VXM M100 dày 30cm, chân khay bằng bê tông 12MPa.

- Cấu tạo mặt đường phân lòng mố giống kết cấu mặt đường hai đầu cầu.

b) Trụ cầu: Cầu tạo hai trụ giống nhau dạng thân đặc thân hẹp hai đầu tròn bằng BTCT 30MPa, đặt trên nền thiên nhiên (cao độ đặt móng được quyết định tại hiện trường phụ thuộc vào địa chất đáy móng); chống trượt bằng thép D32 với khoảng cách 100cm. Thân trụ được thiết kế 2 đốt, đốt trên thu hẹp mỗi chiều 20cm so với đốt dưới. Trên mũ trụ bố trí tường tai, ụ chống xô bằng BTCT 30MPa.

Đắp trả móng trụ đạt độ chặt $K \geq 95$, gia cố chống xói quanh trụ bằng đá hộc xếp khảm dày 100cm.

2. Phần đường: Đường GTNT cấp B theo TCVN10380:2014 có $B_{nền} = 5\text{m}$; $B_{mặt} = 3,5\text{m}$; $B_{lề} = 2 \times 0,7,5\text{m}$ (gia cố như kết cấu mặt đường); $R_{min} = 50\text{m}$; độ dốc dọc $I_{max} = 14,5\%$ (dài 63,3m đoạn trước mố M1 nối vào đường hiện tại); $I = 11\%$ (dài 135,98m gồm 2 đoạn: đoạn trước mố M1 dài 62,8m; đoạn sau mố M2 dài 73,18m); dốc ngang mặt đường 3%; dốc ngang lề đường 3%.

Đoạn sau đuôi mố dài 10m có $B_n = 9\text{m}$; $B_m = 8\text{m}$, độ dốc dọc 0%; tiếp đến được vượt nối từ đường hai đầu cầu về $B_n = 5,0\text{m}$; $B_m = 3,5\text{m}$ theo quy mô đường GTNT cấp B.

- Nền đường:

+ Nền thông thường: đắp đất đạt độ chặt $K \geq 95$, mái ta luy nền đắp 1/1,5; nền đường đào với mái ta luy 1/1;

+ Nền đường đoạn gia cố: Gia cố ta luy âm bằng tường chắn thiết kế định hình trên phạm vi đường 2 đầu cầu (bên phải dài 22,2m từ $\text{Km}0+113,91$ đến $\text{Km}136,11$, bên trái dài 91,69m từ $\text{Km}0+213,31$ đến $\text{Km}0+305\text{m}$); gia cố tường chắn ta luy dương bằng thiết kế định hình dài 10m từ $\text{Km}0+95$ đến $\text{Km}0+105$ (để bảo vệ cột điện cao thế trên mái ta luy dương).

Kết cấu tường chắn: Móng đặt trên nền thiên nhiên; bệ, thân bằng BTXM M200, từ đỉnh tường chắn đến vai đường và từ rãnh xây đến vai đường được gia cố bằng đá hộc xây VXM M100 dày 30cm.

- Kết cấu mặt đường:

+ Đường hai đầu cầu gồm các lớp từ trên xuống như sau: mặt đường BTXM M300 dày 25cm (lót dầy dầu + đệm cát vàng); lớp móng đá dăm tiêu chuẩn dày 15cm.

+ Đường dân sinh gồm các lớp từ trên xuống như sau: Mặt đường BTXM M200 dày 14cm (lót dầy dầu + đệm cát vàng); lớp móng đá dăm tiêu chuẩn dày 10cm.

- Thoát nước dọc: Thoát nước dọc bằng chảy tỏa và rãnh dọc bằng đá hộc xây VXM M100 dày 30cm, tiết diện thoát nước (40x90x50)cm.

- Thoát nước ngang: Toàn tuyến bố trí 01 công tròn khẩu độ 1m; ống công bằng BTCT M200; tường đầu, tường cánh, móng công, sân công, chân khay bằng BT M150, gia cố mái ta luy phía hạ lưu bằng đá hộc xây VXM M100 dày 30cm.

3. Hệ thống an toàn giao thông: Bố trí đầy đủ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2012/BGTVT.

- Biển báo: Biển tam giác 08 cái, biển chữ nhật 02 cái.

- Hộ lan tôn sóng: 263m.

- Cọc tiêu: 12 cái.

4. Đảm bảo giao thông:

- Trong quá trình thi công đảm bảo giao thông bằng tuyến đường tạm về phía hạ lưu cầu; có chiều dài 131m, $B_{nền} = B_{mặt} = 4\text{m}$, mái ta luy đào 1/0,75 mái đắp 1/1; lớp mặt bằng đá dăm tiêu chuẩn dày 15cm. Vượt suối, thiết kế cầu tạm bằng thép kết hợp rọ đá có bề rộng $B = 4\text{m}$; rọ đá xếp so le, liên kết các rọ

bằng thép I100 và neo vào nền đất bằng I300; bố trí lan can bằng thép hình L100x100x7mm.

- Nhịp cầu tạm bằng thép I550 dài 12m liên kết với nhau bằng thép hình, thép góc, kê trên tà vẹt gỗ, mặt cầu tạm bằng thép bản.

III. Tổng dự toán và nguồn vốn: 28.370.716.000 đồng

Trong đó:

- | | |
|-----------------------------------|---------------------|
| - Chi phí xây dựng: | 23.707.825.000 đồng |
| - Chi phí quản lý dự án: | 410.663.000 đồng |
| - Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: | 1.434.226.000 đồng |
| - Chi phí khác: | 1.026.559.000 đồng |
| - Dự phòng: | 1.791.443.000 đồng |

(Chi tiết dự toán có phụ lục kèm theo)

- Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh đầu tư theo kế hoạch.

Điều 2. Chủ tịch UBND huyện Mường Lát tổ chức thực hiện theo các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng. Trong quá trình triển khai thực hiện các bước tiếp theo, có trách nhiệm tiếp thu thực hiện đầy đủ các ý kiến tại báo cáo thẩm định số 2205/SGTVT-TĐKHKT ngày 03/6/2016 của Sở Giao thông vận tải.

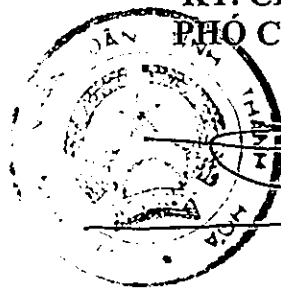
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa, Chủ tịch UBND huyện Mường Lát, Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 - QĐ;
- Lưu: VT, CN.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Anh Tuấn

Phụ lục: TỜ HỢP DỰ TOÁN
Công trình: Cầu cứng từ thị trấn Mường Lát đi bản
Pom Khuông, xã Tam Chung, huyện Mường Lát
(Kèm theo Quyết định số: 2263/QĐ-UBND ngày 24/6/2016 của
Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	GIÁ TRỊ (đồng)
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	23.707.825.000
1	Chi phí xây dựng công trình	23.494.733.000
2	Chi phí xây dựng công trình phụ trợ	213.092.000
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	410.663.000
III	CHI PHÍ TVĐT XÂY DỰNG	1.434.226.000
1	Chi phí lập dự án đầu tư	99.374.000
2	Chi phí khảo sát bước lập dự án đầu tư	218.325.000
3	Chi phí khảo sát bước thiết kế bản vẽ thi công	131.676.000
4	Chi phí thiết kế bản vẽ thi công	308.368.000
5	Chi phí lập HSMT, đánh giá hồ sơ dự thầu(NĐ 63)	47.416.000
6	Chi phí giám sát thi công xây dựng công trình	498.723.000
7	Chi phí giám sát, đánh giá dự án	90.346.000
8	Chi phí cầm cọc GPMB (tạm tính)	40.000.000
IV	CHI PHÍ KHÁC	1.026.559.000
1	Chi phí chung (theo Nghị định 32/2015)	711.235.000
a)	Chi phí xây dựng nhà tạm để ở và điều hành thi công tại hiện trường	237.078.000
b)	Một số chi phí khác liên quan đến công trình	474.157.000
2	Chi phí bảo hiểm công trình	50.972.000
3	Chi phí thẩm định thiết kế(Thông tư 75-BTC)	22.005.000
4	Chi phí thẩm định dự toán(Thông tư 75-BTC)	21.315.000
5	Lệ phí thẩm định dự án đầu tư	3.926.000
6	Lệ phí thẩm định HSMT, KQĐT(nghị định 63/2014)	21.553.000
7	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN(tạm tính)	40.000.000
8	Chi phí thẩm tra tính hiệu quả và khả thi của dự án	16.051.000
9	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư	139.502.000
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	1.791.443.000
1	Chi phí dự phòng khối lượng (4%)	1.063.171.000
2	Chi phí dự phòng trượt giá (2,74%)	728.272.000
	TỔNG CỘNG	28.370.716.000